

Số: 202/SGDĐT-KHTC
V/v hướng dẫn thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước năm 2021

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về định mức chi thường xuyên Ngân sách địa phương năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017-2020; Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 và Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2599/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Công văn số 110/STC-QLNS ngày 18/01/2021 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Trên cơ sở Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và Công văn hướng dẫn của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 như sau:

I- PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021

1. Phân bổ nguồn thu phí, lệ phí và thu sự nghiệp khác

1.1. Nguồn thu học phí

- Việc miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học được thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7, 8, 9 và 10 của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; và Điều 1 của Nghị định số 145/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của chính phủ (cho đến khi có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền).

- Mức thu, thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định mức thu học phí tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2020 - 2021 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (cho đến khi có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền).

- Phân bổ nguồn thu từ học phí:

+ Đối với số thu học phí chính quy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí (bao gồm cả kinh phí được ngân sách nhà nước cấp bù học phí theo quy định); số

còn lại bổ sung vào chi hoạt động tại đơn vị, theo hướng:

- a) Bổ sung nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên 50%
- b) Tăng cường cơ sở vật chất, trang TBDH 35-40%
- c) Phục vụ công tác quản lý 10-15%

+ Đối với số thu từ các hoạt động đào tạo tại chức, liên doanh liên kết, các hoạt động đào tạo khác của các cơ sở đào tạo công lập: 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên số thu từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí liên quan và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định; số còn lại bổ sung vào chi hoạt động tại đơn vị.

- Việc tổ chức thu học phí sử dụng “Hóa đơn cung cấp hàng hóa dịch vụ” theo Công văn số 2257/CT-TTHT ngày 28/7/2017 của Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn về việc sử dụng hóa đơn trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo.

1.2. Nguồn thu phí trông xe

- Mức thu trong khung Quy định tại Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND ngày 04/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Phân bổ nguồn thu từ phí trông xe:

Số tiền thu được từ giá dịch vụ trông giữ xe là doanh thu của đơn vị. Đơn vị có trách nhiệm hạch toán, kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật;

Số còn lại được để trang trải chi phí cho hoạt động trông xe, mức chi trả công cho người giữ xe phải được sự thống nhất và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị; bổ sung cơ sở vật chất trông giữ xe; số kinh phí còn dư (nếu có) được chuyển qua quỹ phúc lợi tập thể do công đoàn cơ sở của đơn vị quản lý theo quy định.

- Việc tổ chức thu thực hiện theo Khoản 5 Điều 4 Quy định tại Quyết định số 59/2017/QĐ-UBND.

1.3. Nguồn thu sự nghiệp khác

Các khoản thu sự nghiệp không thuộc danh mục thu phí, lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ, không thuộc nguồn thu NSNN, không tổng hợp chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN, nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định; đồng thời phải được ghi chép, quản lý thống nhất qua hệ thống sổ sách kế toán và được chi tiêu theo quy định quản lý tài chính hiện hành.

Đối với các khoản viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, cho; khoản hỗ trợ tự nguyện của tổ chức, cá nhân (*thực hiện theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 2956/SGDĐT-KHTC ngày 21/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT*);

Đối với các khoản thu theo thỏa thuận và tự nguyện (*thực hiện theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định về thu, sử dụng các khoản thu theo thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa*

bàn tỉnh Lạng Sơn; Thông báo số 571/TB-UBND ngày 25/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đính chính Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019; Công văn số 2002/SGDDĐT-KHTC ngày 22/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND).

2. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước

Năm 2021 phân bổ dự toán ngân sách chi thường xuyên được thực hiện theo quy định của Luật NSNN và Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn Khóa XVI, kỳ họp thứ tư phê chuẩn, cụ thể một số khoản:

- Đối với các trường THPT, Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh đảm bảo cơ cấu chi lương và các khoản có tính chất lương (*theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng*), chi ngoài lương tối thiểu 18% (*theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng*).

- Đối với các trường phổ thông DTNT THCS, đảm bảo cơ cấu chi lương và các khoản có tính chất lương (*theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng*), chi ngoài lương tối thiểu 15% (*theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng*).

- Đối với trường phổ thông Dân tộc Nội trú và trường THPT chuyên Chu Văn An được đảm bảo thêm nhiệm vụ sau:

- + Trường Dân tộc Nội trú được tính thêm theo số đầu học sinh/năm để đảm bảo chế độ chi học bổng, các chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC - BGDĐT ngày 29/5/2009 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể: - Trường THPT Dân tộc Nội trú tỉnh: 15,3 triệu đồng/học sinh/năm; phần chênh lệch học bổng theo mức lương cơ sở (từ 1.210.000đ lên 1.490.000đ).

- Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS huyện: 15 triệu đồng/học sinh/năm; phần chênh lệch học bổng theo mức lương cơ sở (từ 1.210.000đ lên 1.490.000đ).

Ghi chú: Trong khi chưa có văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ Tài chính – Bộ Giáo dục và Đào tạo để phù hợp với thực tế hiện nay việc triển khai thực hiện đơn vị cần lưu ý một số chế độ sau:

(1) Trang cấp hiện vật: Học sinh khi nhập trường được Nhà trường trang cấp bằng hiện vật 1 lần một số đồ dùng cá nhân như sau: Chăn bông cá nhân; Màn cá nhân; Áo bông; Chiếu cá nhân; Nilon đi mưa; Quần, áo dài tay (đồng phục).

(2) Hỗ trợ học phẩm: Hàng năm học sinh được cấp bằng hiện vật học phẩm theo tiêu chuẩn từng bậc học.

Khi trang cấp có sự thay thế hiện vật, học phẩm tương đương về tính năng công dụng cho phù hợp với thực tế đơn vị phải bàn bạc thống nhất bằng văn bản và xin ý kiến cơ quan quản lý (Sở Giáo dục và Đào tạo).

(3) Các nội dung khác thực hiện đầy đủ theo quy định Thông tư 109.

- + Trường THPT Chuyên Chu Văn An: được tính thêm 4 triệu đồng/học

sinh/năm (đối với học sinh chuyên theo chỉ tiêu hàng năm được giao); đảm bảo chi học bổng khuyến khích, chi bồi dưỡng đội tuyển, bồi dưỡng và khen thưởng học sinh giỏi, chi tham quan, học tập theo quy định.

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ

- + Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động thương binh và xã hội, Bộ Tài chính.

- + Chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng theo Nghị định số 116/2016/NQ-CP ngày 18/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Học sinh đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định 116 nhưng phải được cấp có thẩm quyền cho phép ở bán trú trong trường hoặc khu vực gần trường để học tập trong tuần (học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày).

- + Kinh phí cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

- + Kinh phí thực hiện công tác thi đua khen thưởng theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ; quản lý và sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng theo đúng các văn bản hướng dẫn hiện hành; trường hợp sử dụng không hết đề nghị chuyển nguồn sang năm sau thực hiện tiếp.

- Phân bổ, giao dự toán chi tiết theo 2 phần:

- + Phần dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- + Phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

II- CÔNG TÁC TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

1. Tổ chức điều hành dự toán chi ngân sách nhà nước

- Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: thực hiện theo Khoản 2, Điều 24 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ và Phụ lục số 01 hướng dẫn nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ; Quyết định số 1720 /QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân loại đơn vị sự nghiệp công lập và giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2018-2020 (cho đến khi có quyết định mới của UBND tỉnh).

Trên cơ sở định mức, dự toán và tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao, thủ trưởng đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện nguồn kinh phí đảm bảo hiệu quả nhất. Trong quá trình xây dựng cần xác định các khoản ưu tiên nhiệm vụ quan trọng, đảm bảo nguồn thực hiện chi trả lương và các khoản đóng góp theo lương; thực hiện tiết kiệm chi, cắt giảm các khoản chi chưa thật sự cần thiết.

- Đối với kinh phí bố trí chi cho các đối tượng là lao động hợp đồng (gồm hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ, hợp đồng lao động làm công việc nhân viên thừa hành, phục vụ) thuộc phạm vi quản lý của đơn vị được Sở Giáo dục và Đào tạo

quyết định phê duyệt. Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo theo dự toán giao hằng năm, nguồn thu để lại của đơn vị hoặc từ các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện thanh toán: Trên cơ sở dự toán ngân sách năm được giao, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện rút dự toán chi theo chế độ, định mức chi ngân sách đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và tiến độ, khối lượng thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo nguyên tắc:

+ Các khoản chi thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp lương) đảm bảo thanh toán chi trả từng tháng cho các đối tượng hưởng lương,

+ Trích nộp các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật;

+ Những khoản chi có tính chất thời vụ hoặc chỉ phát sinh vào một số thời điểm như mua sắm, sửa chữa và các khoản có tính chất không thường xuyên khác thực hiện thanh toán theo tiến độ, khối lượng thực hiện theo chế độ quy định và trong phạm vi dự toán được giao.

+ Quan tâm bổ sung một số thiết bị dạy học thiết yếu theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ GDĐT ban hành. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên việc bảo quản, sử dụng thiết bị đồ dùng dạy học ở các trường.

- Thực hiện tốt công tác tự kiểm tra quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

2. Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tham nhũng

- Các cơ sở giáo dục tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng của tỉnh.

Quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu; quản lý các khoản chi mua sắm, sửa chữa chặt chẽ, đúng quy định; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm kinh phí thực hiện tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách đảm bảo xã hội theo chế độ.

- Xử lý kịp thời những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong chi thường xuyên theo Hướng dẫn số 2918/SGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Thực hiện công khai tài chính

Các đơn vị thực hiện việc công bố công khai theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện

công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017; Công văn số 1916 /SGDĐT-KHTC ngày 16/8/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước theo Luật NSNN năm 2015.

III- CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

1. Báo cáo tài chính: (Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính).

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo	Nơi nhận		
				Cơ quan Tài chính	Cơ quan Thuế	Cơ quan cấp trên
1	B01/BCTC	Báo cáo tình hình tài chính	Năm	x	x	x
2	B02/BCTC	Báo cáo kết quả hoạt động	Năm	x	x	x
3	B03a/BCTC	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp trực tiếp)	Năm	x	x	x
4	B03b/BCTC	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)	Năm	x	x	x
5	B04/BCTC	Thuyết minh báo cáo tài chính	Năm	x	x	x

2. Báo cáo quyết toán: (Ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính).

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo	Nơi nhận	
				Cơ quan Tài chính	Cơ quan cấp trên
1	2	3	4	5	6
1	B01/BCQT	Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động	Năm	x	x
2	F01-01/BCQT	Báo cáo chi tiết chi từ nguồn NSNN và nguồn phí được khấu trừ, để lại	Năm	x	x
3	F01-02/BCQT	Báo cáo chi tiết kinh phí chương trình, dự án	Năm	x	x
4	B02/BCQT	Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính	Năm	x	x
5	B03/BCQT	Thuyết minh báo cáo quyết toán	Năm	x	x

3. Thời hạn nộp báo cáo

3.1. Hàng quý (đợt xuất nếu có)

- Để lãnh đạo nắm thông tin phục vụ quản lý và điều hành, gồm: Đối chiếu dự toán, tiền gửi tại Kho bạc nhà nước, ngân hàng; Kiểm kê quỹ tiền mặt.
- Gửi Sở GDĐT trước ngày 15 tháng liền kề của quý, gồm: Đối chiếu quý dự toán, tiền gửi tại Kho bạc nhà nước, ngân hàng.

3.2. Báo cáo năm: gửi trước ngày 02 tháng 3 năm sau.

Các phụ biểu chứng minh lưu tại đơn vị:

- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt
- Biên bản kiểm kê tài sản 31/12
- Biên bản tự kiểm tra Tài chính theo Quyết định 67/QĐ-BTC
- Hồ sơ công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.
- Hồ sơ thực hiện Quy chế công khai theo theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP (phụ lục số 05 Thông tư 71/2006/BTC)

2. Báo cáo thực hiện tiết kiệm (Theo biểu đính kèm)

- + Định kỳ hàng quý trước ngày 15 tháng đầu quý sau
- + Báo cáo năm trước ngày 15/01 năm sau
- + Kết quả đánh giá thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên trước ngày 20/01 năm sau (theo Công văn số 2918/SGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

3. Dự toán thu - chi ngân sách năm 2021 (Theo biểu đính kèm) gửi về phòng Kế hoạch – Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 31/3/2021.**

Các đơn vị thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Trung ương, của tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo qua phòng Kế hoạch – Tài chính để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (thay bc)
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các phòng CQ Sở;
- trang TT điện tử ngành;
- Lưu VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Quốc Tuấn

Tên đơn vị:

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2021

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Dự toán ngân sách năm 2019	Chia ra					Ghi chú
			Cộng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
I	Phần thu							
1	Ngân sách nhà nước cấp							
2	Thu học phí							
3	Thu hoạt động dịch vụ							
4	Thu sự nghiệp khác							
II	Phần chi							
1	Chi lương và các khoản có tính chất lương							
2	Các khoản đóng góp theo lương							
3	Chi hoạt động							
3.1	Chi sách, báo, tạp chí							
3.2	Chi cước phí thông tin liên lạc							
3.3	Chi sử dụng điện							
3.4	Chi xăng, dầu							
3.5	Chi sử dụng nước							
6.6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo,							
3.7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ kỷ niệm							
3.8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản							
3.9	Chi khác							
4	Trích lập quỹ thi đua khen thưởng							
5	Tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương							

NGƯỜI LẬP

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Tên đơn vị:

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Tiết kiệm so với dự toán (%)	Cộng	Kinh phí thực hiện năm 2021				Ghi chú
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
A	B	1	2=3/1	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG								
1	Chi sách, báo, tạp chí								
2	Chi cước phí thông tin liên lạc								
3	Chi sử dụng điện								
4	Chi xăng, dầu								
5	Chi sử dụng nước								
6	Chi tổ chức hội nghị, hội thảo,								
7	Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ kỷ niệm								
8	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản								
9	Chi khác								

NGƯỜI LẬP

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ